

Bản án số: 26/2021/HS-ST  
Ngày: 03-3-2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN - TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Tiến Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thanh Hải.

Bà Lê Thị Bảy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Hữu Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2021, đối với bị cáo:

**Bùi Thị L**, sinh ngày 15/7/1989 tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Khu B, thị trấn H, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Bùi Thị T (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Văn T và 01 con sinh năm 2017; tiền sự: Ngày 01/6/2020 bị Công an huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tiền án: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/8/2020 cho đến nay. Có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Lê Văn T - Sinh năm 1984.

Nơi ĐKTT: Thôn X, xã Q, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 17/7/2020, Lê Văn T, sinh năm 1984 ở xã Q, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa gọi điện thoại cho Bùi Thị L, sinh năm 1989 ở Khu B, thị trấn H, huyện Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (L quê ở xã N, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng L đang làm thủ tục ly hôn và đang thuê trọ tại thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa để học nghề làm tóc), T hỏi L: “Còn không?” (ý T hỏi L còn ma túy không để T mua), L trả lời: “Em không có, anh cầm tiền lên đây em lấy cho”. Khoảng 10 phút sau, T đi xe mô tô BKS 37G1

- 594.64 đến gần nhà nghỉ Thu Hoa ở khu phố Xuân Thịnh, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Khi gặp T, L bảo T chờ L đến ngã ba Xuân Chính, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân; khi đến nơi L bảo T dừng lại xuống xe dừng chờ L, T xuống xe và đưa cho L 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), L cầm tiền và mượn xe mô tô của T đi đến nhà Lê Khắc G, sinh năm 1989 ở khu phố Xuân Thịnh, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, L gặp G đang đi về nhà, L đưa cho G 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), G cầm tiền rồi lấy trong túi quần đang mặc 01 gói ma túy và đưa cho L. L cầm gói ma túy rồi điều khiển xe mô tô quay lại chỗ T đang đứng đợi. L đưa ma túy cho T, T cất ma túy vào gói thuốc lá Thăng Long rồi chờ L ngồi phía sau, khi cả hai vừa đi được khoảng 05m - 10m thì bị tổ công tác Công an huyện Như Xuân bắt quả tang thu giữ trong người T 01 gói thuốc lá Thăng Long, bên trong có chứa 01 gói nhỏ màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng ngà nghi là Heroine và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mastel màu đen đã qua sử dụng, số Imel 358246096816696; Thu giữ của L 01 chiếc điện thoại di động màu đen, cam đã qua sử dụng, số Imel 863310040618075.

Theo lời khai báo của Bùi Thị L, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT), Công an huyện Như Xuân đã tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Lê Khắc G. Quá trình khám xét đã phát hiện và thu giữ trong người G: 01 chiếc ví da màu nâu, nhãn hiệu “HUYTAM”, bên trong có 620.000đ, trong số tiền thu giữ có 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), hai số cuối của seri tờ tiền là số 87, được khoanh tròn bằng mực bút bi màu xanh; 01 Căn cước công dân mang tên Lê Khắc G; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen - vàng, đã qua sử dụng, gắn Sim điện thoại có số thuê bao 0375.715.151.

Khám xét khẩn cấp người và chỗ ở của L không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Ngày 17/7/2020, Cơ quan CSĐT, Công an huyện Như Xuân đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với 01 gói nhỏ màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng (nghi là Heroine) thu giữ trong người của T.

Tại bản Kết luận giám định số: 1951/PC09 ngày 20/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chất bột màu trắng ngà thu giữ của T gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,019g (không phải không mười chín gam), loại Heroine. (BL 80)

Trong quá trình điều tra, Bùi Thị L khai báo về diễn biến việc trao đổi, gặp gỡ và cầm tiền từ T để đi mua ma túy cho T đúng như diễn biến nêu trên. Ngoài ra, L còn khai báo về mục đích L cầm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) từ T đi mua ma túy cho T để khi có ma túy L sẽ xin T một ít ma túy để sử dụng, nhưng chưa đạt được mục đích thì bị lực lượng Công an bắt giữ.

L còn khai báo, ngoài lần mua bán ma túy bị bắt ngày 17/7/2020, trước đó L còn bán ma túy cho T 02 lần, lần thứ nhất tại nhà trọ nhà bà Tr ở khu phố Mỹ Ré, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, cách thời điểm bị bắt 01 tháng; Lần thứ hai ở trên đường Thanh Niên, cách lần thứ nhất 02 ngày.

(BL: 109 -> 120; 146 -> 148; 150 -> 154)

Đối với Lê Văn T: Ngoài việc khai báo về đúng diễn biến về việc trao đổi, gặp gỡ để mua ma túy với L vào hồi 14 giờ ngày 17/7/2020 để sử dụng (vì T là người

nghiện ma túy), T còn khai báo thêm trước đó còn mua ma túy của L 01 lần nữa vào khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày. (BL 101 -> 108)

Đối tượng Lê Khắc G không thừa nhận hành vi bán ma túy cho Bùi Thị L. Về tờ tiền mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) có khoanh tròn bằng bút bi ở hai số cuối (87) của dãy số seri thu giữ trong ví trên người G, có những đặc điểm giống tờ tiền mà Lê Văn T khai báo khi đưa cho L đi mua ma túy, G khai báo: “Vào trưa ngày 17/7/2020, khi G đi đến một cây cầu trên đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu phố Xuân Thịnh, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, G nhặt được 01 chiếc ví da màu vàng, bên trong có 620.000đ, gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000đ, 02 tờ tiền mệnh giá 100.000đ và 01 tờ tiền mệnh giá 20.000đ, sau đó G mang chiếc ví về nhà và bỏ chứng minh thư của G vào ví”. (BL 124 - 127)

Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm chủ sở hữu của chiếc ví nêu trên nhưng chưa tìm được. Vì vậy chưa đủ căn cứ để khởi tố đối với Lê Khắc G về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Vật chứng của vụ án:

01 phong bì do Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lại Thị Thanh Loan, Lê Duy Tâm và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa, bên trong phong bì là ma túy - vật chứng của vụ án sau giám định; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mastel màu đen đã qua sử dụng, số Imel 358246096816696 thu giữ của Lê Văn T; 01 chiếc điện thoại di động màu đen, cam đã qua sử dụng, số Imel 863310040618075 thu giữ của Bùi Thị L đều đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân chờ xử lý.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen - vàng, đã qua sử dụng, gắn SIM điện thoại có số thuê bao 0375.715.151 và 01 Căn cước công dân mang tên Lê Khắc G thu giữ khi khám xét khẩn cấp người của Lê Khắc G, do quá trình điều tra chưa có đủ căn cứ để chứng minh G có hành vi bán ma túy cho Bùi Thị L nên Cơ quan điều tra đã trả lại căn cước công dân cho G và trả lại chiếc điện thoại trên cho chủ sở hữu là bà Đỗ Thị Ch (là mẹ đẻ của G). (BL 94, 95)

Đối với 01 chiếc ví da màu nâu, nhãn hiệu “HUYTAM”, bên trong có 620.000đ, gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000đ, 02 tờ tiền mệnh giá 100.000đ và 01 tờ tiền mệnh giá 20.000đ, thu giữ khi khám xét khẩn cấp người của Lê Khắc G, là chiếc ví mà G khai báo đã nhặt được vào trưa ngày 17/7/2020, khi G đi đến cây cầu trên đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu phố Xuân Thịnh, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm chủ sở hữu của chiếc ví trên nhưng chưa tìm được. Số tiền 620.000đ, Cơ quan điều tra đã gửi bảo quản tại Kho bạc nhà nước huyện Như Xuân; Chiếc ví da màu nâu, nhãn hiệu “HUYTAM”, Cơ quan điều tra đang thu giữ, khi nào xác định được chủ sở hữu sẽ xác minh bàn giao theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius F1 màu sơn đen - đỏ, 37G1 - 594.64, số máy 1FC3096238, số khung FC30EY096233 đã qua sử dụng, thu giữ của Lê Văn T, là phương tiện mà T sử dụng đi mua ma túy, sau đó T cho L mượn đi mua ma túy, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên thuộc quyền sở hữu của anh Trương Công Tuyển, khi đi mua ma túy, T mượn chiếc xe mô tô của em gái là chị

Lê Thị Thu (vợ của anh Tuyền), chị Thu không biết T mượn xe để đi mua ma túy. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Tuyền. (BL 96 -> 100)

Đối với lời khai của Bùi Thị L và Lê Văn T về việc ngoài lần mua bán ma túy giữa L và T bị bắt quả tang lúc 14 giờ ngày 17/7/2020, L và T còn có hành vi mua bán ma túy các lần khác. Lời khai của các đối tượng có sự mâu thuẫn về thời gian, số lần mua bán, hơn nữa không thu được vật chứng, Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập T để điều tra, đối chất với L nhưng qua xác minh tại nơi cư trú T đều vắng mặt. Do đó, Cơ quan điều tra chưa có đủ cơ sở để kết luận về hành vi mua bán ma túy trong lời khai báo trên, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Lê Văn T có hành vi mua bán ma túy từ Bùi Thị L lúc 14 giờ ngày 17/7/2020 để sử dụng, không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 251 của Bộ luật hình sự (BLHS), Công an huyện Như Xuân đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với T theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 của Nghị định số 167/2013/NĐ-CP.

Bản cáo trạng số: 08/CT-VKS-MT ngày 25/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân truy tố Bùi Thị L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo khai, chỉ mua hộ ma túy cho Lê Văn T, không có động cơ mua ma túy để bán lại kiếm lời.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa kết luận hành vi của bị cáo Bùi Thị L đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, là tội nhẹ hơn so với tội danh đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 5 Điều 249 của BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị L với mức án từ 12 đến 18 tháng tù.

Phạt Bùi Thị L từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ để nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa và không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Bùi Thị L xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Vào khoảng 14 giờ ngày 17/7/2020, Bùi Thị L đã có hành vi nhận 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và mua hộ ma túy cho Lê Văn T với mục đích, nếu không bị bắt L sẽ xin T một ít ma túy để sử dụng, vì bản thân L là người nghiện ma túy. L không có mục đích mua bán ma túy để kiếm lời bất chính. Số ma túy mà L mua giúp cho T có tổng khối lượng là 0,019g (không phải không mười chín gam), loại Heroine. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Việc kết luận về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đối với L của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Bị cáo Bùi Thị L là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, xâm phạm đến các quy định của nhà nước về quản lý các chất ma túy, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Trước đó vào ngày 01/6/2020, L đã bị Công an huyện Như Thanh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi và hậu quả: Đây là vụ án hình sự “Tàng trữ trái phép chất ma túy” có tính chất nghiêm trọng do Bùi Thị L thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm hại trật tự an toàn xã hội. Tệ nạn nghiện hút ma túy là một trong những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh các loại tệ nạn và tội phạm nguy hiểm khác. Bị cáo nhận thức rõ tác hại của tệ nạn ma túy và việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn những dục vọng thấp hèn bị cáo đã cố T phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời việc cách ly xã hội đối với bị cáo một thời gian là cần thiết.

[4] Về nhân thân và T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) của bị cáo: Bị cáo Bùi Thị L là đối tượng có nhân thân xấu, có 01 tiền sự về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Nhưng sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân lại đang phải nuôi con nhỏ.

[5] Do có T tiết giảm nhẹ TNHS như đã nêu trên, khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt chính và miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho Bùi Thị L để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân tốt.

[6] Về vật chứng:

- Đối với 0,011 gam ma túy, loại Heroine (còn lại sau giám định) trong phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa là vật cầm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với chiếc điện thoại di động màu đen cam nhãn hiệu Coolpad, đã qua sử dụng, số Imel 863310040618075 thu giữ của Bùi Thị L là phương tiện phạm tội của bị cáo L, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với chiếc điện thoại Mastel màu đen đã qua sử dụng, thuộc sở hữu của Lê Văn T. Việc trả lại vật chứng cho chủ sở hữu không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án. Vì vậy, cần trả lại cho Lê Văn T.

[7] Về án phí: Bị cáo Bùi Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào: Các điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

**Tuyên bố:** Bị cáo Bùi Thị L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

**Xử phạt:** Bị cáo Bùi Thị L 24 (hai bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

**Vật chứng:** Tịch thu tiêu hủy 0,011 gam ma túy, loại Heroine (còn lại sau giám định) trong phong bì niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa; Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màu đen cam nhãn hiệu Coolpad; Trả lại Lê Văn T 01 chiếc điện thoại Mastel màu đen. Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 12/2021/TSVC ngày 25/01/2021 giữa Công an huyện Như Xuân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân.

**Án phí:** Bị cáo Bùi Thị L phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- Bị cáo; Người có QL, NVLQ;
- VKSND H.Như Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT H.Như Xuân;
- Chi cục THADS H.Như Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Lê Tiến Thịnh**